

Số: **608** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **22** tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:  
Nâng cấp đường Đăk R'la đi Long Sơn.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về  
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và  
bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa  
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của  
Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ  
quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính  
phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại  
khoáng sản thời kỳ 2021 ÷ 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng  
hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày  
26/1/2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng  
hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng  
ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng  
quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý  
hoạt động đầu tư xây dựng;*



Căn cứ Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn;

Xét Công văn số 644/SGTVT-KT&KCHT ngày 10/5/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 30/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn, với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Nâng cấp đường Đắk R'la đi Long Sơn.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil.
- 4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện hiện trạng để đạt quy mô đường cấp VI – Miền núi nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hóa của người dân, tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại vùng dự án nói riêng và huyện Đắk Mil nói chung; đồng thời, từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Đắk Mil.
- 5. Nhóm dự án:** Nhóm C.
- 6. Quy mô đầu tư xây dựng:**
  - Cấp thiết kế: Đường cấp VI - Miền núi;
  - Quy mô mặt cắt ngang: Nền đường rộng  $B_{nền} = 6,0m$ ; trong đó mặt đường rộng  $B_{mặt} = 3,5m$  và lề đường rộng  $B_{lề} = 1,25m \times 02 bên = 2,5m$ ;
  - Vận tốc thiết kế: 20 Km/h;
  - Chiều dài tuyến: Khoảng 8,89Km, trong đó:
    - + Đoạn Km0+00 ÷ Km7+126,44: Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo đồng bộ các hạng mục (nền, mặt đường; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông, ...);
    - + Đoạn Km7+126,44 ÷ Km8+892,84: Đã được đầu tư, đưa vào khai thác, sử dụng từ tháng 12/2021 với quy mô nền đường hiện trạng rộng trung bình 6,5m, mặt đường bê tông xi măng rộng 3,5m (Dự án: Nâng cấp đường giao thông phục vụ sản xuất bền vững cả phê liên vùng các xã Đức Mạnh, Đắk Sắk, Long Sơn, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Nông làm chủ đầu tư, được phê duyệt tại Quyết định số 409/QĐ-SNN ngày 28/7/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Nông); do đó chỉ đầu tư bổ sung hệ thống thoát nước và an toàn giao thông.
      - Tải trọng trục thiết kế đối với mặt đường: 10T;
      - Tải trọng thiết kế đối với công trình thoát nước: HL93;



- Tần suất tính toán thủy văn đối với nền đường, công trình thoát nước:  $P = 4\%$ ;

- Mặt đường: Mặt đường cấp cao  $A_1$  (mặt đường bê tông xi măng).

### **7. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:**

7.1. Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Vạn Tường. Địa chỉ: Số 57, đường Lê Hồng Phong, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

7.2. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Kỹ thuật công trình BKTECH. Địa chỉ: Thôn 7, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

**8. Địa điểm xây dựng:** Huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

### **9. Loại, cấp công trình:**

9.1. Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ.

9.2. Cấp công trình: Cấp IV.

9.3. Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.

**10. Số bước thiết kế:** Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán).

### **11. Quy chuẩn, Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:**

- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN: Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông;
- TCCS 40:2022/TCĐBVN: Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông;
- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình;
- TCVN 4054:2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 9436:2012: Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4453:1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Phạm vi thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9115:2019: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- QCVN 41:2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy trình, quy phạm hiện hành có liên quan.

### **12. Nội dung và giải pháp thiết kế chủ yếu:**

Trên cơ sở tuyến đường hiện trạng và số liệu khảo sát đã được nghiệm thu; thiết kế tuyến đường đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của đường cấp VI - Miền núi, với các nội dung chủ yếu như sau:

#### 12.1. Bình đồ:

- Tuyến được thiết kế cơ bản theo đường hiện trạng, chỉ điều chỉnh cục bộ tại một số vị trí nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của đường cấp VI - Miền núi. Bình đồ được thiết kế với 88 lần chuyển hướng, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất  $R_{\min} = 27m$ , đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường;

- Điểm đầu tuyến giao với đường Hồ Chí Minh tại Km1818+620 (*trái tuyến*) trên địa bàn xã Đắc R'la, điểm cuối tuyến giao với Tỉnh lộ 3 tại Km14+950 (*trái tuyến*) trên địa bàn xã Long Sơn;

- Các nút giao được thiết kế nút giao đồng mức, dạng đơn giản.

#### 12.2. Trắc dọc:

Trắc dọc được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường bao, có kết hợp với phương pháp đường cắt, nhằm giảm khối lượng đào đắp, giảm chi phí đầu tư và cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất được thiết kế  $i_{\max} = 11\%$ , đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

#### 12.3. Trắc ngang:

- Nền đường rộng  $B_{\text{nền}} = 6,0m$ , trong đó: Mặt đường rộng  $B_{\text{mặt}} = 3,5m$ ; lề đường rộng  $B_{\text{lề}} = 1,25m \times 02 \text{ bên} = 2,5m$  (*chưa tính phần mở rộng trong đường cong*); riêng đoạn Km7+126,44 ÷ Km8+892,84: Giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang đã được đầu tư;

- Độ dốc ngang mặt đường  $i_m = 2\%$ ; độ dốc ngang lề đường gia cố  $i_{\text{lgc}} = 2\%$  và lề đất  $i_{\text{ld}} = 4\%$ .

#### 12.4. Kết cấu áo đường: Gồm 03 loại kết cấu như sau:

12.4.1. Đối với đoạn tuyến tận dụng mặt đường láng nhựa cũ (Km0+00 ÷ Km1+095,95): Thiết kế sửa chữa, tăng cường với giải pháp cụ thể như sau:

- Xử lý phạm vi mặt đường bị hư hỏng: Tiến hành đào bỏ một phần kết cấu áo đường cũ (*trung bình 15cm*); san sửa tạo mũi lượn móng đường cũ đảm bảo độ dốc ngang  $i_n = 2\%$ , lu tăng cường đảm bảo đạt độ chặt  $K_{yc} \geq 0,98$ ; hoàn trả bằng cấp phối đá dăm loại I  $D_{\max}=25mm$  dày 15cm (*bằng cao độ mặt đường láng nhựa hiện trạng*), lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,98$ ;

- Sau khi xử lý phạm vi mặt đường bị hư hỏng, tiến hành tăng cường toàn bộ mặt đường cũ bằng mặt đường bê tông xi măng, thứ tự các lớp từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 18cm;

+ Lớp bù vênh (*đảm bảo độ dốc ngang  $i_n = 2\%$* ) bằng bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày trung bình 02cm;

+ Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông;

+ Lớp móng đường: Tận dụng mặt đường láng nhựa cũ làm lớp móng.

12.4.2. Đối với các đoạn tuyến làm mới (Km1+095,95 ÷ Km2+601,89 và Km3+701,25 ÷ Km7+126,44): Thiết kế mặt đường bê tông xi măng, thứ tự các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 18cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông;
- + Lớp móng cấp phối đá dăm loại 1  $D_{\max}$  25mm, dày 18cm, lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,98$ .

12.4.3. Đối với đoạn tuyến tận dụng mặt đường bê tông xi măng cũ rộng trung bình 3,0m (Km2+601,89 ÷ Km3+701,25): Thiết kế mặt đường bê tông xi măng với giải pháp cụ thể như sau:

- Phạm vi mở rộng mặt đường (25cm mỗi bên, tính từ mép ngoài mặt đường bê tông xi măng hiện trạng): Thứ tự các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 18cm;
- + Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông;
- + Lớp móng đường cấp phối đá dăm gia cố xi măng 5% ( $D_{\max} = 31,5\text{mm}$ ) dày 18cm, lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 1$ .

- Phạm vi mặt đường bê tông xi măng cũ: Thứ tự các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M300 dày 18cm;
- + Láng nhũ tương 01 lớp, TCN 1,2kg/m<sup>2</sup>, đá 0,5x1mm;
- + Lớp móng đường: Tận dụng mặt đường bê tông xi măng cũ làm lớp móng.

12.5. Lê đường:

- Phạm vi toàn bộ lê đường (đối với đoạn Km0+00 ÷ Km1+095,95) và 01m mỗi bên tính từ mép ngoài mặt đường (đối với đoạn Km1+095,95 ÷ Km2+601,89 và Km3+701,25 ÷ Km7+126,44) được gia cố với kết cấu như kết cấu áo đường đoạn làm mới (như đã nêu tại Mục 1.4.2); 01m mỗi bên tính từ mép ngoài mặt đường (đối với đoạn Km2+601,89 ÷ Km3+701,25) được gia cố với kết cấu như kết cấu áo đường phạm vi mở rộng mặt đường đoạn tăng cường trên mặt bê tông xi măng hiện trạng (như đã nêu tại Mục 1.4.3);

- Phạm vi 25cm còn lại:

+ Đối với các đoạn tuyến có gia cố rãnh dọc bằng tấm đan, lê đường được gia cố bằng lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 13cm trên lớp đá dăm đệm dày 05cm;

+ Đối với các đoạn tuyến còn lại: Lê đường được gia cố bằng lớp bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 05cm trên lớp đá dăm đệm dày 05cm.

12.6. Nền đường:



- Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,98$  trong phạm vi 30cm tính từ đáy kết cấu áo đường trở xuống; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,95$ ;

- Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Lu xử lý nền đường đảm bảo độ chặt  $K_{yc} \geq 0,98$  trong phạm vi 30cm tính từ đáy áo đường xuống;

- Hệ số mái dốc ta luy nền đường đào 1/1; mái dốc ta luy nền đắp 1/1,5.

12.7. Công trình thoát nước: Tận dụng lại hệ thống thoát nước đã được đầu tư xây dựng trên tuyến (*kể cả hạng mục Cầu bê tông cốt thép tại Km3+450*) và thiết kế điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục thoát nước như sau:

#### 12.7.1. Rãnh thoát nước:

- Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đông dân cư: Thiết kế rãnh chữ U bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn, lắp ghép, tiết diện lòng rãnh (60x60)cm, tấm đan rãnh bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn lắp ghép;

- Đối với các đoạn tuyến ngoài khu vực đông dân cư, có độ dốc dọc  $i_{dọc} \geq 4\%$ , thiết kế rãnh gia cố bằng tấm đan bê tông xi măng đá 1x2 M200 đúc sẵn, lắp ghép, đáy rãnh bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm, kích thước rãnh (40x40x120)cm;

- Đối với các đoạn tuyến ngoài khu vực đông dân cư còn lại: Thiết kế rãnh đào trần hình thang, kích thước rãnh (40x40x120)cm.

#### 12.7.2. Cống thoát nước:

- Cống thoát nước ngang dạng cống bản khẩu độ  $L_0 = 80$ cm: Thân cống, tường đầu, tường cánh, hố thu, sân cống, chân khay sân cống bằng bê tông xi măng đá 1x2 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm; tấm bản cống bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250 đúc sẵn, lắp ghép; bê tông phủ mặt cống bản bằng đá 0,5x1 M250 đổ tại chỗ;

- Cống thoát nước dọc dạng cống bản khẩu độ  $L_0 = 60$ cm (*qua đường dân sinh*): Thân cống, móng cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, chân khay, hố thu bằng bê tông xi măng đá 2x4 M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm; tấm đan chịu lực bằng bê tông cốt thép M250 đá 1x2, đúc sẵn lắp ghép; bê tông phủ mặt cống bản bằng đá 0,5x1 M250 đổ tại chỗ.

#### 12.8. Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế điều chỉnh, bổ sung hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

**13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:** Công trình được xây dựng chủ yếu trên cơ sở tuyến đường hiện hữu và có một phần chiếm dụng đất mới, diện tích chiếm dụng đất mới khoảng 2,8ha. Chủ đầu tư đã cam kết vận động người dân hiến đất và tài sản trên đất để thực hiện dự án tại Văn bản số 100/CV-BQL ngày 08/5/2024 (*không bố trí chi phí giải phóng mặt bằng*).

**14. Tổng mức đầu tư:** 42.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn*).

*Trong đó:*

- Chi phí xây dựng : 35.756.626.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 876.673.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 3.558.650.000 đồng
- Chi phí khác : 597.153.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 1.210.898.000 đồng

**15. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh.

**16. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án nếu đủ điều kiện năng lực. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ năng lực để quản lý dự án thì được thuê cá nhân, tổ chức đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện.

**17. Thời gian thực hiện:** Giai đoạn 2022 ÷ 2025 (theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 11/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông).

**18. Thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế:**

- Thời hạn sử dụng công trình: Theo điểm 3.3.1 Mục 3.3 TCVN 4054 - 2005, thời hạn sử dụng công trình theo thiết kế đối với đường cấp VI là 10 năm;

- Thời hạn sử dụng tầng mặt: Theo Bảng 9 TCCS 39:2022/TCĐBVN, thời hạn phục vụ thiết kế yêu cầu đối với đường từ cấp IV trở xuống là (15 ÷ 10) năm.

\* Để đảm bảo thời hạn sử dụng nêu trên, công trình phải được quản lý, bảo trì theo đúng quy định trong quá trình khai thác, sử dụng.

**Điều 2:** Trách nhiệm thực hiện.

1. UBND huyện Đắk Mil, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil:

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này; quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo chất lượng công trình, hiệu quả đầu tư của dự án, không được để nợ đọng xây dựng cơ bản; thực hiện việc sử dụng chi phí dự phòng theo quy định hiện hành.

- Quá trình tổ chức triển khai thực hiện, trường hợp phạm vi thực hiện dự án có chồng lấn với phạm vi quy hoạch khai thác bô xít được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021÷2030, tầm nhìn đến năm 2050, trước khi triển khai thực hiện thì yêu cầu Chủ đầu tư phải thực hiện việc thu hồi, quản lý tài nguyên khoáng sản theo quy định tại điểm e khoản 7 Điều 2 Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, tuân thủ quy định tại Luật Khoáng sản, Luật Quy hoạch và các quy định khác có liên quan, bảo đảm không gây thất thoát tài nguyên khoáng sản theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm về sự phù hợp của việc triển khai thực hiện dự án với quy hoạch giao thông vận tải, tuân thủ quy định tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021÷2030, tầm nhìn đến năm 2050; chịu trách nhiệm về tính chính xác, pháp lý, việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức đối với các nội dung do đơn vị thẩm



định, trình phê duyệt tại Công văn số 644/SGTVT-KT&KCHT ngày 10/5/2024 và Tờ trình số 30/TTr-SGTVT ngày 14/5/2024; tổ chức giám sát, theo dõi quá trình thực hiện dự án, bảo đảm dự án triển khai thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm chất lượng công trình trong quá trình thi công và đưa vào khai thác sử dụng.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Đắk Mil; Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TTHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT (MNC).

3

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*

**Lê Văn Chiến**